TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2025
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Ngô Hồng Điệp
2. Ông Trần Văn Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 637/2024/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Số 59, tổ 6, Khu 1A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.
- *Bị đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm: 1984;
Địa chỉ: Số 59, tổ 6, Khu 1A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

(Anh T có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: anh và chị T chung sống với nhau vào năm 2021, hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc vì luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách ứng xử, sinh hoạt, công việc nên thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày lớn không còn khả năng hàn gắn. Vợ chồng đã chính thức ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Yến N, sinh ngày 10/11/2021 do anh trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Đối với bị đơn chị Trần Thị T, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa hợp lệ nhưng chị T không nộp văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/4/2021 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Chị Trần Thị T là bị đơn, hiện nay đang cư trú tại Khu 1A, thị trấn C, huyện C nên khi anh T có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị T không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung tranh chấp: anh T và chị T chung sống với nhau vào năm 2021, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, không thương yêu nhường nhịn nhau dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, cả anh T và chị T đều không tìm được biện pháp để khắc phục dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn và vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Anh T kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị T, Tòa án đã mời chị T đến tham gia phiên tòa nhưng chị T không đến cho thấy chị T không có thiện

chí muốn hàn gắn tình cảm với anh T. Do đó, có đủ căn cứ để chứng minh mâu thuẫn giữa anh T và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị T.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: giữa anh T và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Yến N, sinh ngày 10/11/2021 đang sống với anh T từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Xét thấy hiện tại con chung đang sống với anh T đã ổn định, anh T yêu cầu tiếp tục được nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: anh T trình bày không có, chị T không có ý kiến phản hồi nên không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T về việc ly hôn đối với bị đơn chị Trần Thị T.

Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị T.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Nguyễn Yến N, sinh ngày 10/11/2021cho anh Nguyễn Văn T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012744 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, anh T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trang